

GIAO KẾ HOẠCH LỚP, HỌC SINH CÁC TRƯỜNG MẦM NON NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng 6 năm 2024 của UBND huyện An Lão)

T T	TÊN TRƯỜNG	Tổng giáo viên	Tổng phòn g học	KẾ HOẠCH LỚP, HỌC SINH NĂM HỌC 2024-2025																								Tổng D.Số	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Tổng số trẻ		Đúng tuyển	Trái tuyển				
				Nhà trẻ						3 Tuổi						4 Tuổi						5 Tuổi																
				D.Số	Số lớp	Số trẻ			Đúng tuyển	trái tuyển	D.Số	Số lớp	Số trẻ			đúng tuyển	trái tuyển	D.Số	Số lớp	Số trẻ			đúng tuyển	trái tuyển	D.Số	Số lớp	Số trẻ				đúng tuyển	trái tuyển						
						Học sinh cũ	Tuyển mới	Tổng số HS cần tuyển					Học sinh cũ	Tuyển mới	Tổng số HS cần tuyển					đúng tuyển	trái tuyển	Học sinh cũ					Tuyển mới								Tổng số HS cần tuyển	Học sinh cũ	Tuyển mới	Tổng số HS cần tuyển
1	Sao Sáng	34	16	114	2	4	46	50	34	16	79	5	64	61	125	79	46	83	5	134	6	140	83	57	80	4	121	0	121	80	41	356	16	436	323	113	276	160
2	Bát trang	36	17	254	2	5	45	50	48	2	152	5	44	81	125	118	7	167	5	124	26	150	139	11	189	5	177	3	180	166	14	762	17	505	350	155	471	34
3	Trường Thọ	37	18	200	3	7	68	75	75	0	137	4	50	50	100	100	0	156	5	100	56	156	154	2	177	6	157	20	177	158	19	670	18	508	314	194	487	21
4	Trường Thành	29	14	102	3	24	51	75	70	5	80	3	52	23	75	70	5	90	4	90	20	110	90	20	96	4	107	3	110	96	14	368	14	370	273	97	326	44
5	An Tiến	23	11	106	2	0	2	45	40	5	97	2	27	25	52	43	9	136	3	75	15	90	85	5	156	4	97	8	105	89	16	495	11	292	199	50	257	35
6	An Thắng	27	13	195	2	15	35	50	47	3	140	3	40	40	80	73	7	134	4	89	21	110	100	10	115	4	90	20	110	100	10	584	13	350	234	116	320	30
7	Tân Dân	20	10	159	2	11	39	50	48	2	105	2	38	12	50	49	1	122	3	64	21	85	83	2	142	3	90	0	90	86	4	528	10	275	203	72	266	9
8	Trường Sơn	23	11	158	1	2	23	25	20	5	94	2	29	31	60	50	10	135	4	80	40	120	100	20	154	4	118	22	140	125	15	541	11	345	229	116	295	50
9	Thái Sơn	39	18	350	3	11	64	75	73	2	195	4	66	54	120	115	5	192	5	133	27	160	156	4	197	6	188	9	197	177	20	934	18	552	398	154	521	31
10	An Thái	36	18	227	3	16	59	75	71	4	127	4	66	48	114	111	3	150	5	150	5	155	145	10	156	5	161	3	164	156	8	660	17	508	393	115	483	25
11	An Thọ	23	12	133	2	15	37	52	47	5	96	4	45	51	96	92	4	112	3	78	23	101	91	10	96	3	101	0	101	91	10	437	12	350	239	111	321	29
12	Chiến Thắng	31	14	207	3	29	46	75	72	3	100	3	57	18	75	70	5	115	4	84	31	115	110	5	105	4	105	5	110	105	5	527	14	375	275	100	357	18
13	Mỹ Đức	42	20	295	3	70	5	75	75	0	170	5	57	63	120	120	0	205	6	170	41	211	211	0	217	6	170	0	170	170		887	20	576	467	109	576	0
14	Tân Viên	32	15	122	3	12	63	75	75	0	112	4	44	56	100	100	0	137	4	81	39	120	117	3	133	4	121	19	140	133	7	504	15	435	258	177	425	10
15	Quốc Tuấn	31	15	170	2	12	45	57	55	2	136	3	36	44	80	76	4	175	5	98	42	140	130	10	168	5	122	16	138	122	16	649	15	415	268	147	383	32
16	Quang Trung	36	17	93	3	22	53	75	75	0	110	5	49	57	106	106	0	127	4	106	0	106	106	0	139	5	132	7	139	123	16	469	17	426	309	117	410	16
17	Quang Hưng	30	15	157	3	18	44	62	62	0	101	4	46	42	88	88	0	109	4	109	5	114	107	7	98	4	113	5	118	108	10	465	15	382	286	96	365	17
TỔNG		529	254	3042	42	273	725	1041	987	54	2031	62	810	756	1566	1460	106	2345	73	1765	418	2183	2007	176	2418	76	2170	140	2310	2085	225	9836	253	7100	5018	2039	6539	561